

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 3 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Thùy

Bà Lê Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Diệp Thị Bích T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số AZV/GQ, xã ANT, huyện BT, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Ông A, sinh năm: 1965

Địa chỉ: ABCXYZ, Vương Quốc Anh.

(Bà T, ông A có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2020, bản tự khai ngày 09 tháng 10 năm 2020 và đơn xin vắng mặt, nguyên đơn bà Diệp Thị Bích T trình bày:

Bà và ông A kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2017 ngày 23/01/2017. Do ông A sống ở Anh, bà không có điều kiện qua Anh, ông A cũng không về Việt Nam nên bà và ông A không sống chung với nhau nay đã hơn 01

năm. Bà và ông A không còn tin tưởng nhau nên quan hệ của ông bà ngày càng bất hòa, thường xuyên gây gổ với nhau, mâu thuẫn của ông bà ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó, bà cho rằng ly hôn là cách tốt nhất để bà và ông A có cuộc sống tự do. Trong quá trình sống chung, bà và ông A không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông WEBER JOHN A.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông xin giải quyết vắng mặt trong tất cả những lần triệu tập hòa giải, xét xử của Tòa án.

Theo bản tự khai đề ngày 10/01/2021 và đơn xin vắng mặt ngày 10/01/2021, bị đơn ông A trình bày:

Ông và bà Diệp Thị Bích T kết hôn với nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2017 ngày 23/01/2017. Do ông sống ở Anh, bà T không có điều kiện qua Anh, ông cũng không thể về Việt Nam. Ông và bà T không sống chung với nhau nay đã hơn 01 năm. Ông và bà T không còn tin tưởng nhau nên quan hệ của ông bà ngày càng bất hòa, thường xuyên gây gổ với nhau, mâu thuẫn của ông bà ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó bà T muốn ly hôn, ông cũng đồng ý. Ông và bà T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông bận công tác ở nước ngoài nên không thể có mặt theo sự triệu tập của Tòa án. Ông xin vắng mặt trong tất cả những lần triệu tập hòa giải và xét xử của Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Diệp Thị Bích T và ông A là ly hôn, nguyên đơn bà Diệp Thị Bích T đang ở Việt Nam, bị đơn ông A hiện đang ở nước ngoài nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Diệp Thị Bích T và ông A tự tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2017 ngày

23/01/2017 nên hôn nhân giữa bà Diệp Thị Bích T và ông A là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà T và ông A cùng có trình bày sau khi kết hôn thì ông A sống ở Anh, bà T sống ở Việt Nam và bà T không có điều kiện qua Anh, ông A cũng không về Việt Nam. Ông bà trình bày đã không sống chung với nhau hơn 01 năm, cả hai không còn tin tưởng nhau nên mối quan hệ ngày càng bất hòa, thường xuyên gây gổ với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó, bà T và ông A đều cho rằng ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai người. Khi biết bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông A cũng có văn bản trình bày đồng ý ly hôn

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại bà T sống ở Việt Nam, còn ông A thì sống ở nước ngoài, cách xa nhau về khoảng cách địa lý, hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cả bà T và ông A đều xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể hòa giải đoàn tụ.

Từ những phân tích trên thấy rằng việc bà T yêu cầu ly hôn với ông A là có cơ sở và ông A cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Diệp Thị Bích T và ông A đều trình bày ông bà không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Bà Diệp Thị Bích T và ông A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Diệp Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Diệp Thị Bích T.

Về hôn nhân: Bà Diệp Thị Bích T được ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà Diệp Thị Bích T và ông Ađều trình bày ông bà không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

Về tài sản chung và về nợ chung: Bà Diệp Thị Bích T và ông Ađều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Diệp Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005152 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Diệp Thị Bích T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; ông Ađược quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được ủy thác hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng